

Vài nét về hệ thống tín chỉ đại học châu Âu

Hà Dương Tường

Vấn đề « liên thông » giữa các trường đại học, cao đẳng là một vấn đề được bàn thảo nhiều ở VN trong vài năm gần đây. Tuy chỉ là một vấn đề « kỹ thuật » (trong nghĩa là những giải pháp được chọn lựa trong vấn đề này tương đối độc lập với các chọn lựa về cơ sở triết lý, tinh thần chủ đạo của giáo dục đại học), song nó có tầm quan trọng không nhỏ trong xã hội hiện nay, khi nhu cầu học thường xuyên của công dân, yêu cầu chuyển đổi công việc làm trong một đời người càng ngày càng lớn. VN lại đang đẩy mạnh cuộc hội nhập vào nền kinh tế thế giới, nhất là với các nước láng giềng trong khu vực, dù là trong hay ngoài ASEAN, và việc tiếp nhận người lao động từ các nước khác cũng như việc người Việt đi lao động ở ngoại quốc (không chỉ giới hạn trong lao động giản đơn !) ngày sẽ càng nhiều. Những chuẩn mực so sánh được với đại học các nước khác do đó càng cần được tuân thủ, song song với yêu cầu nâng cao chất lượng của các trường, các cơ sở đào tạo trong nước.

Trong điều kiện đó, hiển nhiên cuộc cải tổ đang diễn biến tại châu Âu có thể gợi cho ngành đại học VN những ý tưởng, mở ra những cách tiếp cận mới... Tiếp theo bài « Giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ. Một kinh nghiệm » đã được đăng trên trang mạng của xêmina « Chấn hưng giáo dục », bài viết này cố gắng trình bày một số nét chính của cuộc cải tổ đó, đứng về góc nhìn « liên thông » trong giáo dục đại học, như một đóng góp nhỏ vào cuộc thảo luận « kỹ thuật » nhưng cần thiết này.

Bài này sẽ gồm hai phần chính :

1/ Từ Tuyên bố Sorbonne tới Tuyên bố Bologna, một bước ngoặt của đại học châu Âu, trình bày quá trình và nội dung cuộc cải tổ.

2/ Hệ thống tín chỉ ECTS : một chuẩn mực liên thông dựa trên khối giờ học tập, trình bày một vài nét chính về hệ thống tín chỉ này.

Trong cả hai phần, bài cũng sẽ cung cấp một vài thông tin về cuộc cải tổ trong đại học Pháp, như một ví dụ, vừa vì tác giả biết về nền đại học này nhiều hơn về các nền đại học của những nước châu Âu khác, vừa vì Pháp là một nước cho tới nay đại học chủ yếu là theo hệ thống niên chế, kinh nghiệm của sự chuyển đổi hệ thống có thể hữu ích nhiều cho VN chăng.

Sau cùng là một vài lời kết luận.

1/ Từ Tuyên bố Sorbonne tới Tuyên bố Bologna, một bước ngoặt của đại học châu Âu

Nền đại học hiện đại khắp thế giới bắt nguồn từ châu Âu và được nuôi dưỡng bởi tinh thần đại học châu Âu, từ cả ngàn năm nay. Một trong những tinh thần ấy được bốn vị bộ trưởng hữu quan của bốn nước « nặng ký » nhất châu Âu, Pháp, Ý, Anh, Đức (1), nhắc lại trong bản Tuyên bố chung ngày 25.5.1998 tại đại học Pháp Sorbonne, Paris, nhân buổi lễ kỷ niệm 800 năm ngày thành lập đại học này : « Ngày xưa, sinh viên và giáo sư tự do đi lại và nhanh chóng phổ biến kiến thức của mình trên toàn lục địa ». Nhắc ngày xưa để rồi tiếp ngay đến ngày nay. Một nhận xét, để đặt ra yêu cầu thay đổi một thực trạng không được thoả mãn, và đưa ra sau đó một phương hướng đổi mới. Không cần nhiều lời (tự) bào chữa cho thực trạng đó. « Ngày nay, còn quá nhiều sinh viên các nước chúng ta lấy được bằng cấp mà chưa hề được hưởng một thời gian học tập ngoài biên giới nước mình ».

Sau đó, các bộ trưởng điếm qua những nỗ lực đã được giới đại học tiến hành nhằm giải quyết tình trạng đó. Một thoả ước về sự công nhận các mức đào tạo đại học (qualifications universitaires) đã được ký kết năm trước (1997) tại Lisbonne, trong đó một số điều kiện cơ bản được đề ra. « Tuy nhiên, các chính phủ tiếp tục có một vai trò không nhỏ trong cuộc chơi này, khi khuyến khích mọi phương tiện để xác nhận các kiến thức đạt được và để công nhận

nhều hơn bằng cấp của các nước chúng ta », bản tuyên bố khẳng định. Từ đó, các bộ trưởng « cam kết khuyến khích sự ra đời của một khung quy chiếu chung, nhằm cải tiến tính đồng nhất của bằng cấp, nhằm tạo dễ dàng cho sự chuyển dịch của sinh viên cũng như cho việc sử dụng họ », và kêu gọi các nước khác ở châu Âu, trong và ngoài Liên hiệp châu Âu (EU) chia sẻ mục tiêu này, kêu gọi các đại học châu Âu « cải tiến và thường xuyên cập nhật hoá giáo dục của mình nhằm củng cố vị trí của châu Âu trên thế giới ».

Đáp lời kêu gọi này, một hội nghị các bộ trưởng phụ trách giáo dục đại học của 29 nước trong và ngoài Liên hiệp châu Âu được tổ chức ở Bologna (Ý) ngày 19.6.1999. *Tuyên bố Bologna* là bản thỏa thuận được ký kết sau hội nghị. Các nước ký tên dưới bản Tuyên bố cam kết sẽ thúc đẩy những cải tổ cần thiết trong hệ thống giáo dục đại học của mình, *trong thời hạn tối đa là đến năm 2010, nhằm đạt được sự tương thích trong các hệ thống đại học quốc gia, để chuẩn hóa bằng cấp giữa các đại học song vẫn tôn trọng quyền tự chủ của các đại học, sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ cũng như những đặc thù của các hệ thống giáo dục của mỗi nước.*

Cụ thể, những cải tổ sau đây được ghi trong Tuyên bố :

- Thông qua một hệ thống bằng cấp dễ nhận ra và so sánh được với nhau ;
- Thông qua một hệ thống dựa cơ bản trên hai cấp học, dựa theo các đại học Anh – Mỹ là « undergraduate » và « graduate », với bằng tốt nghiệp là bachelor (có thể coi như « cử nhân » trong hệ bằng đại học VN) và master (thạc sĩ) ;
- Thiết lập một hệ thống tín chỉ, như hệ thống ECTS ;
- Thúc đẩy sự chuyển dịch bằng cách vượt qua những trở ngại thực tế đối với SV cũng như đối với giáo chức, và những người làm nghiên cứu hoặc hành chính ở đại học ;
- Thúc đẩy sự cộng tác châu Âu về việc bảo đảm chất lượng ;
- Thúc đẩy các chiều kích châu Âu trong giáo dục đại học (trong nội dung chương trình học cũng như trong sự cộng tác giữa các cơ sở đào tạo và nghiên cứu).

Những hội nghị bộ trưởng giáo dục châu Âu sau Bologna: Praha (2001), Berlin (2003), Bergen (2005) xác định rõ hơn hai cấp học là « cử nhân » (tiếng Pháp : Licence, 3 năm học từ lúc vào đại học) và « thạc sĩ » (Master, 5 năm học). Những SV đi tiếp ở đại học trong lĩnh vực nghiên cứu sẽ lấy bằng tiến sĩ trong 3 năm nữa. Toàn bộ hệ thống đào tạo như vậy được gọi tắt là hệ 3-5-8. Hệ thống này đang được lan rộng khắp châu Âu, ở hầu hết các ngành học (ngoại lệ chính là ngành y mà nhiều nước vẫn có chính sách bảo hộ, không cho người nước ngoài hành nghề bác sĩ...). Riêng ở Pháp, kế hoạch của bộ quốc gia giáo dục là hoàn thành việc chuyển đổi các hệ thống đào tạo hiện nay sang hệ thống 3-5-8 vào năm 2006. Ở các trường kỹ sư Pháp, bằng kỹ sư thường là qua 5 năm đào tạo sẽ được coi như tương đương với bằng thạc sĩ. Đây là trong trường hợp SV tốt nghiệp kỹ sư muốn đi tiếp để lấy bằng tiến sĩ, còn nếu họ ra trường đi làm ngoài nghiên cứu thì vấn đề tương đương này không đặt ra, vì thực tế lương khởi đầu của một kỹ sư Pháp thường cao hơn lương một người có bằng thạc sĩ ở một trường đại học.

Cần nhấn mạnh là chương trình cải tổ này *không* nhằm tiến tới một sự đồng nhất trong nội dung cũng như phương thức đào tạo của các đại học châu Âu. Mỗi nước, mỗi trường đại học vẫn giữ những đặc điểm của mình. Tuy nhiên, nó khuyến khích các trường mở ra những loại hình đào tạo tương ứng với hai cấp học « cử nhân » và « thạc sĩ », và dần dần tiến tới việc bãi bỏ các bằng cấp tương ứng với 1, 2 hoặc 4 hay 6 năm học. Còn việc tổ chức các giáo trình kéo dài 3 tháng, 6 tháng hay một năm thì chương trình Bologna không yêu cầu các nước thống nhất. Mỗi giáo trình sẽ được chuyển đổi định lượng qua hệ thống tín chỉ ECTS sẽ trình bày dưới đây.

Tuyên bố Bologna được Liên hiệp các Hội nghị hiệu trưởng đại học của EU (Confederation of EU Rectors' Conferences) (2) và Hội các đại học châu Âu (Association of European Universities) đánh giá, trong một tài liệu chung của hai tổ chức này đề ngày 29.2.2000, là một *bước ngoặt* trong sự phát triển của giáo dục đại học châu Âu.

Đánh giá này hoàn toàn không chua ngoa, vì Tuyên bố đã thực sự được hưởng ứng mau chóng. Một mặt, trong các nước ký tên cuộc thảo luận chung quanh đề tài « giáo dục đại học châu Âu » chưa bao giờ lan rộng trong xã hội như trong những năm sau Bologna, và các nước lần lượt thông qua những luật sửa đổi luật giáo dục của mình trong chiều hướng cải tổ cơ cấu đại học hội tụ theo hướng Bologna đề ra. Mặt khác, nhiều nước không có mặt tại Bologna xin gia nhập. Tới nay (thống kê của hội nghị Bergen, Na Uy, 19-20 tháng 5.2005), đã có thêm 11 nước ký tên vào bản tuyên bố, nâng tổng số nước ký tên lên thành 40 nước, trong khi Liên hiệp châu Âu mới chỉ có 25 thành viên.

2/ Hệ thống tín chỉ ECTS : một chuẩn mực liên thông dựa trên khối giờ học tập

Việc chọn một đơn vị tín chỉ chung để đánh giá khối lượng các giáo trình được dạy ở các trường là nhằm mục tiêu chuẩn hóa bằng cấp đại học, một trong những mục tiêu chính đề ra trong Tuyên bố Bologna.

Hệ thống ECTS (European Credit Transfert System) đã được EU thiết lập vào năm 1989, trong chương trình ERAMUS nhằm tạo điều kiện cho SV các nước trong khối dễ dàng chuyển dịch, đi học một thời gian (thường là 6 tháng, một năm) tại một nước ngoài. Khi đó, chỉ có những trường hoặc những khoa trong một trường tham gia ERAMUS mới đặt ra vấn đề đánh giá định lượng bằng cấp hay một phần của bằng cấp của mình bằng một con số *tương đương ECTS*, được ERAMUS thừa nhận, dù các chương trình giảng dạy không được tổ chức theo tín chỉ. Các cơ sở không tham gia ERAMUS có khi đã tổ chức giảng dạy theo tín chỉ, nhưng không đặt vấn đề tương đương, hoặc vẫn tổ chức giảng dạy theo « niên chế ».

Trong quá trình thực hiện cải tổ Bologna, một số nước đã tổ chức giảng dạy theo hệ thống tín chỉ của mình cũng chuyển dần sang hệ thống ECTS. Một số nước khác chuyển từ niên chế sang chế độ tín chỉ, chọn thẳng ECTS thay vì một hệ thống khác với các tương đương ECTS (3), dù ECTS chỉ được Tuyên bố Bologna nêu lên như một gợi ý về một hệ thống tín chỉ. Nhiều nước đã đưa hẳn hệ thống này vào luật giáo dục, áp dụng cho cả các cơ sở hoặc các ngành đào tạo không có yêu cầu giao lưu với nước ngoài.

Như vậy, ECTS là gì ?

Theo định nghĩa chính thức được đưa ra trên trang web Europa của EU, ECTS là một hệ thống tín chỉ đánh giá việc học của SV *trên cơ sở khối lượng công việc* (tiếng Anh : workload, tiếng Pháp : charge de travail) của mỗi hoạt động học tập (theo học một giáo trình, một kỳ thực tập ở xí nghiệp hay phòng thí nghiệm, viết một luận văn...).

Một SV toàn phần được tính là dành cho hoạt động học tập của mình khoảng từ 1500 đến 1800 giờ một năm học, *kể cả giờ nghe giảng, giờ làm bài tập có hướng dẫn, giờ thực tập trong phòng thí nghiệm ở các môn khoa học thực nghiệm, và giờ học riêng ở nhà* (4).

Và giá trị chung của một tín chỉ ECTS được ấn định theo chuẩn mực là SV đó sẽ đạt được trong một năm học khoảng 60 tín chỉ. Như vậy, tính trung bình, mỗi ECTS đòi hỏi từ 25 đến 30 giờ làm việc. Bằng cử nhân sẽ được cấp cho SV đạt 180 ECTS và bằng thạc sĩ tương ứng với 300 ECTS.

Mỗi hoạt động học tập sẽ được nhà trường định sẵn bằng một bội số của ECTS. Ví dụ, giáo trình A bằng 4 ECTS, thời kỳ thực tập B bằng 3 ECTS v.v. (EU chính thức khuyến cáo các trường không dùng những số lẻ ECTS, nhưng chấp nhận số rưỡi). Ta có thể hình dung một giáo trình kéo dài một học kỳ nửa năm, khoảng 16 tuần học (không kể những tuần nghỉ lễ và không tính kỳ thi), mỗi tuần 2 giờ giảng đường và 2 giờ thực tập có hướng dẫn, 4 giờ SV tự học. Giáo trình này như vậy đòi hỏi 128 giờ làm việc cho một SV học lực trung bình, và có thể được nhà trường quy định là bằng 5 ECTS.

Như vậy, ECTS hoàn toàn chỉ có tính định lượng. Số ECTS cần đạt để được cấp bằng cử nhân hay thạc sĩ, như trên nói, chỉ có ý nghĩa khi trình độ các trường đại học xấp xỉ ngang nhau. Điều này khó lòng được quy định hơn song không phải hoàn toàn vô lý trong tình hình đại học châu Âu. Dĩ nhiên, có những trường đại học nổi tiếng hơn các trường khác, nhưng một cử nhân vật lý ở Praha (Tiệp) hay Lyon, Limoges (Pháp), hay Cambridge, Manchester (Anh) có thể coi như có những kiến thức cơ bản tương đương với nhau, việc dạy và học nghiêm chỉnh ngang nhau, phòng thí nghiệm và thư viện được trang bị không hơn kém nhau bao nhiêu – đây là nói phòng thí nghiệm cho SV chứ không phải phòng nghiên cứu mũi nhọn của một trường nào - và thầy giáo là những người có học lực cấp tiến sĩ hoặc cao hơn... Mặt khác, để giúp cho việc chuyển dịch của SV dễ dàng hơn (ít ra là trong phạm vi châu Âu), chương trình ERAMUS của EU trước kia (nay đổi là chương trình SOCRATES) đặt ra một tài liệu mang tên Phụ lục bằng cấp (Diploma Supplement, viết tắt dưới đây là DS). SV có yêu cầu đi nước khác, hay chuyển trường khác, có thể xin trường mình cấp một DS, trong đó, ngoài các thông tin cá nhân về SV, sẽ có các thông tin về văn bằng được cấp, nội dung và chương trình các môn học cũng như kết quả của SV, và thông tin liên quan đến hệ thống giáo dục đại học của quốc gia cấp bằng. Một DS phải được chứng thực như bằng cấp chính. Các nước ký vào Tuyên bố Bologna cũng cam kết thông qua một DS theo chuẩn này để cung cấp cho bất kỳ SV nào muốn có. Cầm tấm bằng và tờ phụ lục này, một SV ở bất kỳ một đại học châu Âu nào có thể sang một đại học khác xin học tiếp. Dĩ nhiên, đại học này giữ quyền nhận hay không, và nếu nhận thì cho tương đương cấp nào, tùy theo đánh giá của họ về học lực của SV đó, trong đó có phần đánh giá về trình độ chung của đại học gốc của người SV.

Ngoài khía cạnh tạo điều kiện liên thông giữa các trường đại học châu Âu, hệ thống chứng chỉ này còn mở ra một khả năng mới : sự uyển chuyển trong đào tạo và học tập. Trong đào tạo, các trường có thể dễ dàng kết hợp các chuyên ngành để mở ra một bằng cấp « mới », *liên ngành*. Chẳng hạn như một bằng cử nhân khoa học với nội dung chính là « sinh học và tin học » có thể được cấp cho một SV có một số ECTS về sinh học và một số khác về tin học. Trường không cần mở ra một khoa riêng cho bằng này, chỉ cần thông báo quy định những tỉ lệ các môn cần học để được cấp bằng có ghi nội dung này. Tổ chức học theo tín chỉ cũng tạo điều kiện dễ dàng hơn để xây dựng các bằng cấp dành cho SV nhiều quyền chọn lựa các môn học hơn trước đây (ví dụ, một bằng cử nhân tin học với khoảng 2/3 các tín chỉ phải đỗ trong một số môn được trường quy định sẵn, còn lại ai muốn học gì khác thì tùy nghi !). Ngoài ra, việc chuyển đổi một số kinh nghiệm nghề nghiệp sang một phần của bằng cấp cũng dễ hơn. Ở Pháp, một nghị định cho phép – và khuyến khích – các trường nhận hồ sơ xin chuyển đổi này, tạo điều kiện cho những người đã phải rời nhà trường sớm để đi làm có thể trở lại học thêm lấy bằng đại học mà không phải học lại từ đầu như trước kia. Các cơ sở đào tạo liên tục (formation permanente) trong hay ngoài đại học – dành cho học viên có hoạt động nghề nghiệp - cũng được khuyến khích xây dựng các chương trình đào tạo của mình theo hệ thống tín chỉ, và do đó, có thể cấp cho học viên những chứng chỉ đã theo học và thi đỗ bao nhiêu tín chỉ ECTS, cho phép họ xin học tiếp ở một cơ sở khác hoặc đi làm với một chứng chỉ học lực để so sánh hơn các loại chứng chỉ trước kia.

Vài lời tạm kết

Có thể nói gì về sự kiện hầu hết các nước châu Âu chấp nhận việc chuyển đổi hệ thống đào tạo đại học của mình theo một hệ thống đào tạo theo tín chỉ, và tổ chức thực hiện khá suôn sẻ việc chuyển đổi đó trong một thời gian tương đối là rất ngắn ?

Trước hết, chắc phải nói tới một ý thức được chia sẻ rộng rãi trong giới đại học châu Âu về yêu cầu cấp bách phải xây dựng một không gian đại học chung, trong đó, tuy những giá trị về nền giáo dục đại học đã được chia sẻ song còn nhiều rào cản về cơ cấu làm giới hạn sự liên thông, giới hạn yêu cầu chuyển dịch của SV cũng như của giáo chức. Tiếp đó, có thể nói rằng hệ thống ECTS, với định nghĩa cơ bản dựa trên khối lượng lao động cần thiết cho những hoạt động học tập, có tính thuyết phục cao khi mọi người suy nghĩ về cách vượt qua những rào cản đó, suy nghĩ về khả năng thích ứng của một cơ cấu tổ chức đại học đối với những yêu cầu học tập của xã hội hiện tại.

Hà Dương Tường

Giáo sư đại học Pháp

Đại học Công nghệ Compiègne

Chú thích.

1/ Theo thứ tự ký trên bản Tuyên bố chung : ông Claude Allègre, bộ trưởng bộ Quốc gia Giáo dục, Nghên cứu và Công nghệ (Pháp), ông Luigi Berlinguer, bộ trưởng bộ Giáo dục công cộng, Đại học và Nghiên cứu (Ý), bà Tessa Blackstone, bộ trưởng bộ Giáo dục Đại học (Anh), và ông Jürgen Ruettggers, bộ trưởng bộ Giáo dục, Khoa học, Nghiên cứu và Công nghệ (Đức).

2/ Hội nghị hiệu trưởng đại học (tiếng Anh : Rectors' Conferences ; tiếng Pháp : Conférence des présidents d'université) ở nhiều nước châu Âu là tổ chức chính thức mà thành viên là các hiệu trưởng đương nhiệm của các trường đại học trong nước, có nhiệm vụ xem xét những vấn đề liên hệ tới các chính sách giáo dục đại học mà họ là người thực hiện, và đề xuất những kiến nghị về các chính sách này.

3/ Ở Pháp, một nghị định của bộ trưởng quốc gia giáo dục ngày 8.4.2002 quy định việc áp dụng cải tổ này vào đại học Pháp, và sau đó là các nghị định ngày 23.4.2002 và 27.4.2002 chính thức ban hành bằng cử nhân (licence) và thạc sĩ (master). Tuy nhiên hội đoàn SV phản đối, cho đến nay cải tổ này đã được đa số các trường thực hiện. Để trấn an dư luận lo lắng về cuộc cải tổ, các nghị định nói trên cũng nói rõ, các trường tiếp tục được quyền cấp những bằng cấp của hệ thống cũ (như bằng DEUG - Diplôme d'Etudes Universitaires Générales, 2 năm học và Maîtrise, 4 năm v.v.). Mặt khác, nghị định 8.4.2002 cũng buộc các trường tổ chức các giáo trình theo học kỳ 6 tháng (semestre) chứ không phải nguyên năm như trước.

4/ Nếu ước lượng mỗi giờ theo học ở trường (kể cả giờ nghe giảng và giờ làm bài tập – hoặc làm thí nghiệm – có hướng dẫn) đòi hỏi một giờ tự học (ở thư viện hay ở nhà) để một SV trung bình đạt yêu cầu chất lượng mà nhà trường đặt ra (cụ thể : thi đỗ !), mỗi SV sẽ phải theo học ở trường khoảng 800 giờ một năm, trong đó khoảng 400 giờ nghe giảng và 400 giờ thực tập có hướng dẫn.

Ở Pháp, tại một trường đào tạo kỹ sư như trường đại học công nghệ Compiègne (xem bài đã dẫn), mỗi SV theo học một năm 12 UV, mỗi UV có 30 giờ giảng đường, 30 giờ thực tập có hướng dẫn. Tổng cộng là 360 giờ nghe giảng mỗi năm.

Trong những ngành/môn học mà nhà trường không tổ chức giờ thực tập có hướng dẫn số giờ nghe giảng có thể cao hơn, song mỗi giờ này lại đòi hỏi SV tự học nhiều hơn, do đó cũng không thể cao quá nếu không muốn biến SV thành cái máy nghe giảng, thụ động.